

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 12 - 2021
V/v tranh chấp “*Xin ly hôn,
Nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Núi
2. Ông Nguyễn Văn Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 03 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 65/TB-TA ngày 26 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hồ Thị Thanh T**- Sinh năm: 1998 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: 68/3 Đ, Phường 2, Thành phố T, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Trần Quốc N** - Sinh năm: 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hồ Thị Thanh T trình bày:*

Chị và anh N tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 02/12/2016 tại UBND xã T. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N thường hay nhậu nhẹt, không biết

lo kinh tế gia đình nên vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2018 thì trầm trọng do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên đã sống ly thân. Nay tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 04/6/2016. Hiện cháu P đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cháu P, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị xác định không có.

Về nợ chung: chị xác định không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn anh Trần Quốc N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh N không đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: đây là vụ án tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn, nuôi con chung*: Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị T và anh N có quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/12/2016 nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh N là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Chị T trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N thường hay nhậu nhẹt, không biết lo kinh tế gia đình. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2018 thì trầm trọng do anh N có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị và anh N sống ly thân đến nay. Xét thấy, thực tế cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh N đã có mâu thuẫn, nên anh chị sống ly thân. Từ khi ly thân đến nay anh chị cũng không trao đổi hàn gắn tình cảm với nhau được. Anh N không tham dự phiên hòa giải, không tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó, cho thấy anh N cũng không tha thiết

đến cuộc hôn nhân với chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị T trình bày anh chị có 01 con chung tên Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 04/6/2016. Hiện cháu P đang sống với chị, chị yêu cầu nuôi cháu P. Xét thấy cháu P đang do chị T trực tiếp nuôi, anh N chưa có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy cần giao cháu P cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị T trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Hồ Thị Thanh T được ly hôn với anh Trần Quốc N.

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Trần Ngọc Lan P, sinh ngày 04/6/2016 cho chị Hồ Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị T và các thành viên trong gia đình chị T không được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 49680 ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Th, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:

- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Thới, huyện TPĐ;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

